

**ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ**  
TÒA THÁNH TÂY NINH

---



**TỪ QUAN VŨ**  
**ĐẾN TAM TRẦN OAI NGHIÊM**

**CHÁNH KIẾN CƯ SĨ**



**TÀI LIỆU SƯU TẦM 2021**  
hai•không•hai•một

---

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến ở Website **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có do sự trình bày, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ CHÁNH KIẾN CỬ SĨ** và **BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỗ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 10/04/2021

Tâm Nguyên

Website: [tusachCAODAI.wordpress.com](http://tusachCAODAI.wordpress.com)

---

**TỪ QUAN VŨ**  
**ĐẾN TAM TRẦN ĐẠI NGHIỆM**

**CHÁNH KIẾN CƯ SĨ**

**2021**



---

## MỤC LỤC

❖ TỪ QUAN VŨ ĐẾN TAM TRẦN OAI NGHIÊM.....	9
▪ CHƯƠNG MỘT:	
<b>HOÀN CẢNH LỊCH SỬ THỜI TAM QUỐC.....</b>	<b>11</b>
▪ TIẾT 1. BA VUA THỜI TAM QUỐC.....	13
I. Ngụy Vương Tào Tháo / Cao Cao (155–220) Thọ 65 Tuổi.....	13
II. Thục Hán Vương Lưu Bị/ Liu Bei (160–223) Thọ 63 Tuổi.....	13
III. Ngô Vương Tôn Quyền / Sun Quan (181–252) Thọ 71 Tuổi.....	14
▪ TIẾT 2. VĂN HÓA, VÀ KHOA HỌC THỜI TAM QUỐC ....	16
Vương Túc, Vương Bật.....	16
Tào Tháo, Tào Phi Và Tào Thực.....	16
Thần Y Hoa Đà – Ma Phi Tán.....	16
Mã Quân, Lưu Huy.....	17
▪ CHƯƠNG HAI:	
<b>TỪ QUAN VŨ ĐẾN QUAN THÁNH.....</b>	<b>19</b>
▪ TIẾT 1. THÂN THỂ & SỰ NGHIỆP QUAN VŨ .....	19
▪ TIẾT 2. CÁI CHẾT CỦA QUAN VŨ.....	20
▪ TIẾT 3. QUÁ TRÌNH ĐƯỢC PHONG THÁNH.....	25
I. Quan Công Võ Thánh .....	25
II. Trở Thành Già Lam Phật.....	27
▪ CHƯƠNG BA:	
<b>QUAN THÁNH ĐỂ QUÂN TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI ...</b>	<b>31</b>
▪ TIẾT 1. VỊ PHẬT CỦA VẠN LINH, TRẠNG SƯ CỦA VẠN LINH .....	31
▪ TIẾT 2. THI VĂN CỦA ĐỨC QUAN THÁNH.....	36
▪ TIẾT 3. VAI TRÒ CỦA TAM TRẦN OAI NGHIÊM .....	38
▪ CHƯƠNG BỐN:	
<b>LÊ BÁ TRANG, NGUYỄN NGỌC TƯƠNG .....</b>	<b>41</b>
▪ TIẾT 1. TIỂU SỬ NGÀI LÊ-BÁ-TRANG (1879–1936).....	41
▪ TIẾT 2. TANG LỄ, NGUYÊN CĂN CỦA NGÀI LÊ BÁ TRANG .....	43

---

▪ TIẾT 3. TIỂU SỬ NGÀI NGUYỄN-NGỌC-TƯỜNG (1881-1951) .....	46
I. Sự Nghiệp Phần Đời.....	47
II. Sự Nghiệp Phần Đạo.....	48
▪ TIẾT 4. TÁCH KHỎI TÒA THÁNH TÂY NINH.....	49
▪ TIẾT 5. CÔNG & TỘI CỦA HAI NGÀI TRANG, TƯỜNG ..	52
I. Chiếc Áo Không Làm Nên Thầy Tu.....	52
II. Phạm Thiên Điều: Tận Đọa Tam Đồ Bất Năng Thoát Tục.....	56



**TÒA-THÁNH TÂY-NINH**





---

## TỪ QUAN VŨ ĐẾN TAM TRẦN OAI NGHIÊM

---





## CHƯƠNG MỘT HOÀN CẢNH LỊCH SỬ THỜI TAM QUỐC



(hình internet)

**H**UA TÂN THỦY HOÀNG GỒM THÊU LỤC QUỐC LẬP NÊN NHÀ TÂN VÀO NĂM 215 TCN.

Sau đó, Lưu Bang đánh đuổi nhà Tân để lập nhà Hán vào năm 196 TCN.

Nhà Hán thịnh khoảng 400 năm cho đến khi nhà Đông Hán mất. Nước Trung Hoa được chia làm ba: Tây Thục (Lưu Bị), Bắc Ngụy (Tào Tháo) và Đông Ngô (Tôn Quyền).

Thời đại **Tam Quốc** là thời kỳ 60 năm trong **lịch sử Trung Quốc**. Một cách chính xác theo khoa học thì nó bắt đầu vào năm **220** khi **nhà Ngụy** được thành lập và kết thúc năm **280** khi **Đông Ngô** sụp đổ và **nhà Tây Tấn** thống nhất Trung Hoa.

Trước đó, phần «*không chính thức*» của giai đoạn này, từ năm **190** đến năm **220**, được đánh dấu bởi sự hỗn loạn của các cuộc giao tranh giữa các phe phái trong rất nhiều khu vực của Trung Hoa, như các cuộc giao tranh của **Tào Tháo**, anh em **Viên Thiệu – Viên Thuật**, **Tôn Kiên**, **Lưu Biểu**, **Lưu Bị**, **Đổng Trác**, **Lữ Bố**, **quân Khăn Vàng** v.v...

Phần giữa của giai đoạn này, từ năm **220** đến năm **263**, được đánh dấu bằng sự giao tranh quân sự và ngoại giao của ba quốc gia còn lại là **Ngụy** (魏), **Thục** (蜀) và **Ngô** (吳). Để phân biệt các quốc gia này với các quốc gia cùng tên nhưng trong các thời kỳ trước đó, người ta đã thêm vào: Ngụy là **Tào Ngụy** (曹魏), Thục là **Thục Hán** (蜀漢), và Ngô là **Đông Ngô** (東吳).

Phần cuối cùng của thời kỳ này được đánh dấu bằng việc Ngụy tiêu diệt Thục (năm **263**), **nhà Tây Tấn** thay thế Ngụy năm **266**, và tiêu diệt Ngô (**280**).

Sau khi Tam Quốc kết thúc, nhà Tấn nắm quyền cai trị Trung Nguyên đến giai đoạn cuối Nguyên đầu Minh. Nhà Tấn (266–420) không giữ được quyền lực của mình, và nhanh chóng Trung Nguyên lâm vào tình cảnh bị các bộ tộc phương Bắc tràn xuống tấn công, gây ra loạn Thập Lục quốc (304–439) và loạn Nam Bắc triều (420–589).

## TIẾT 1. BA VUA THỜI TAM QUỐC

### I. NGUY VƯƠNG TÀO THÁO / CAO CAO (155–220) THỌ 65 TUỔI

TÀO THÁO (曹操), **biểu tự Mạnh Đức** (孟德), **tiểu tự A Man** (阿瞞) là một **nhà chính trị**, nhà quân sự và còn là một nhà thơ nổi tiếng cuối thời **Đông Hán**.

Tào Tháo là người đã có công lớn trong việc dẹp loạn **Khăn Vàng** và **Đổng Trác**, đánh bại lần lượt các chư hầu như **Lữ Bố**, **Viên Thiệu** để thống nhất phương bắc nhưng lại thất bại khi tiến xuống phía nam vì gặp phải sự kháng cự của liên minh **Tôn – Lưu**.

Đầu năm **220**, Tào Tháo chết, tháng 10 năm đó con ông là **Tào Phi** phế bỏ vua Hán Hiến Đế, lên ngôi hoàng đế chấm dứt **nhà Đông Hán**, đặt quốc hiệu là **Ngụy**, hiệu Ngụy Văn Đế, đóng đô tại **Lạc Dương**, Tào Tháo được truy tôn là “*Thái Tổ Vũ Hoàng Đế*”. Nước Ngụy tiêu diệt nước Thục vào năm 263. Tuy nhiên, lúc này thực quyền trong triều đình Tào Ngụy đã rơi vào tay họ Tư Mã sau khi Ngụy Minh Đế Tào Tuấn mất (239).

Hành động “*Phụng thiên tử để lệnh chư hầu*”, “*quyền thần đoạt ngôi*” của ông đã tạo ra một tiền lệ mới cho hàng loạt những đế vương khai quốc đời sau học theo.

### II. THỤC HÁN VƯƠNG LƯU BỊ/ LIU BEI (160–223) THỌ 63 TUỔI

LƯU BỊ (**Giản thể**: 刘备, **Phồn thể**: 劉備;) hay còn gọi là **Hán Chiêu Liệt Đế** (漢昭烈帝), là vị **hoàng đế** khai quốc nước Thục Hán thời **Tam Quốc**. Lưu Bị được sử sách xác nhận là dòng dõi xa của hoàng tộc **nhà Hán**. Xuất thân nhà nghèo, ông phải tự lao động kiếm sống thời trẻ. Sự nghiệp của Lưu Bị khởi đầu bằng việc tham

gia trấn áp cuộc **khởi nghĩa Khăn Vàng** và làm quan cho triều đình. Gặp lúc **nhà Hán** suy yếu, Lưu Bị cùng hai người huynh đệ kết nghĩa là **Quan Vũ** và **Trương Phi** tham gia vào cuộc chiến tranh giành vương vị.

Trong thời gian nương nhờ Lưu Biểu ở Kinh châu, Lưu Bị được **Gia Cát Lượng** theo phò tá và vạch ra **Long Trung đối sách** để tranh thiên hạ. Theo đường lối này, ông liên kết với **Tôn Quyền** ở Giang Đông cùng chống **Tào Tháo** ở phía bắc. Tuy nhiên, chiến lược Long Trung đối sách có nguy cơ đổ vỡ vì liên minh với Tôn Quyền rạn nứt. Họ Tôn đánh chiếm Kinh châu của ông và giết **Quan Vũ**, khiến Lưu Bị phải đem quân đánh báo thù và giành lại đất. Tại **Hào Đình**, Lưu Bị bị tướng của Tôn Quyền là **Lục Tốn** đánh bại và phải lui quân về **Thục**, sau đó băng hà tại thành **Bạch Đế** vào năm **222**. Cơ nghiệp ông gây dựng được truyền lại cho người con cả **Lưu Thiện** và giao cho thừa tướng **Gia Cát Lượng** phò tá.

### III. NGÔ VƯƠNG TÔN QUYỀN / SUN QUAN (181–252) THỌ 71 TUỔI

**TÔN QUYỀN** (**giản thể**: 孙权; **phồn thể**: 孫權; tự là **Trọng Mưu** (仲謀), thụy hiệu **Ngô Đại Đế** (吳大帝), là người sáng lập của chính quyền **Đông Ngô** dưới thời **Tam Quốc**.

Khác với hai vị Lưu Bị và Tào Tháo, gây dựng cơ nghiệp từ hai bàn tay trắng, Ngô Tôn Quyền được thừa hưởng cơ nghiệp đồ sộ của cha anh để lại. Quyền là con của Ô Trình Hầu **Tôn Kiên**, em của Tiểu Bá Vương **Tôn Sách**, đều là những anh hùng miền sông nước phương Nam.

Năm **200**, mới 19 tuổi, ông thừa hưởng quyền kiểm

soát đất Giang Đông từ tay huynh trưởng **Tôn Sách**, Ông tuyên bố độc lập và cai trị Giang Đông từ năm 222 đến 229 với tước hiệu Ngô vương và từ 229 đến 252 với tước hiệu hoàng đế Ngô. Ngô Quyền ngồi giữ quận Giang Đông có địa thế hiểm trở, sản vật phong túc, nhân dân giàu có, văn thần võ tướng đông đảo. Nổi tiếng có Chu Du, Lỗ Túc, Đinh Phụng, Lã Mông, Hoàng Cái...

Theo như lời của Tôn Sách, điều hơn người của Quyền không phải là bản lãnh xông pha trận mạc, mà chính là ở chỗ đối đãi với bộ hạ tay chân. Thế nên có thơ rằng:

*“Mắt xanh, râu đỏ, chí anh hùng,  
Khéo khiến thân liêu chịu hết lòng,  
Hăm bốn năm trời gây nghiệp lớn,  
Hổ ngồi, rồng cuộn xứ Giang Đông”.*

Không như các đối thủ **Tào Tháo** và **Lưu Bị**, Tôn Quyền khôn ngoan đóng vai trò trung lập trong các cuộc xung đột của Thục và Ngụy, và chỉ đứng về một trong phía hai bên còn lại nếu điều đó có lợi cho nước Ngô. Nhờ sự khéo léo biết chiêu hiền đãi sĩ mà Tôn Quyền thu hút được rất nhiều văn thần võ tướng có thực tài làm việc cho mình. Tuy nhiên, do ông có nhiều vợ, nhiều con trai nên cuộc đấu tranh nội bộ giành ngôi thái tử kéo dài, nhiều đại thần bị chết vì dính liếu vào. Cuối cùng Tôn Quyền giải quyết sự việc bằng cách lưu đày hoàng tử Tôn Hòa và buộc hoàng tử Tôn Bá phải tự sát, lập con nhỏ Tôn Lượng mới 7 tuổi làm thái tử.

**Tôn Quyền về già trở nên lú lẫn**, qua đời ở tuổi khoảng 70, năm 252.

Tôn Quyền là người thọ nhất trong ba vị vua thời

kỳ này.

## TIẾT 2. VĂN HÓA, VÀ KHOA HỌC THỜI TAM QUỐC

### VƯƠNG TÚC, VƯƠNG BẬT

Con của **Vương Lăng** nhà Tào Ngụy là **Vương Túc** nổi tiếng trong lĩnh vực cổ văn. Con **Vương Túc** là **Vương Bật** được đánh giá là thiên tài, người đã chú giải *Lão tử*, sau đó lại dùng *Lão tử* giải thích **Kinh dịch**.

### TÀO THÁO, TÀO PHI VÀ TÀO THỰC

Ba cha con được đời sau xếp vào hàng những **nhà thơ** tiêu biểu cuối thời **Đông Hán**, đầu thời Tam Quốc. Ngoài thơ ca, **Tào Thực** còn nổi tiếng với bài phú *đài Đồng Tước*. **Tào Phi** tuy kém **Tào Thực** một bậc nhưng chính là người mở đầu cho thể thơ **thất ngôn**.

### THẦN Y HOA ĐÀ – MA PHI TÁN

Về khoa học, thời Tam Quốc đã bắt đầu ứng dụng ma túy và dùng thủ thuật lấy sỏi mật ra.

**Hoa Đà** (145 – 208) xuất thân từ huyện Tiêu, nước Bái thuộc Bạc Châu, tỉnh An Huy (xưa kia là Dự Châu). Tự là **Nguyên Hoá**, ông nổi tiếng là một thầy thuốc cuối thời **Đông Hán**. Ông cùng **Biển Thuốc**, **Lý Thời Trân** và **Trương Trọng Cảnh** là Tứ đại danh y nổi tiếng bậc nhất trong lịch sử Trung Hoa. Rất nhiều lần ông được tiến cử ra làm quan nhưng ông đều từ chối. Đối với danh y **Hoa Đà** “*Dùng thuốc cứu người mới là đạo*”. **Hoa Đà** được biết đến như một vị “*thần y*” chữa bách bệnh. Ông tinh thông châm cứu, nội khoa tạp bệnh, ký sinh trùng bệnh, tiểu nhi và các khoa phụ sản đều thành thạo. Trước khi Tây



y phát minh ra thuốc gây mê, danh y Hoa Đà đã phát minh ra Ma Phí Tán giúp việc phẫu thuật trở nên dễ dàng, ít gây đau đớn hơn. Ma phí tán được coi là thuốc gây mê đầu tiên trên thế giới,

### MÃ QUÂN, LƯU HUY

Người nước Ngụy là Mã Quân có công phát minh ra xe chỉ nam, xe bắn đá; đồng thời cũng được xem là người phát minh ra guồng nước. Ngoài ra, còn có nhà toán học Lưu Huy, tác giả của bộ *Hải đảo toán kinh*.



CHƯƠNG HAI  
**TỪ QUAN VŨ ĐẾN QUAN THÁNH**

**TIẾT 1. THÂN THỂ & SỰ NGHIỆP QUAN VŨ**



<b>Tên thật</b>	Quan Vũ ( <b>giản thể:</b> 关羽, <b>phồn thể:</b> 關羽)
<b>Tự</b>	Trường Sinh (長生) Vân Trường (雲長)
<b>Hiệu</b>	Hán Thọ Đình hầu (漢壽亭侯)
<b>Tên khác</b>	Mỹ Nhiệm Công (美髯公) Quan Công (關公) Quan Thánh (關聖) Quan Đế (關帝)
<b>Các con:</b>	<b>Quan Bình</b> (con nuôi, trai trưởng) <b>Quan Hưng</b> (con trai thứ) <b>Quan thị</b> (con gái)

- **NĂM SINH:** 162? Huyện Giải, quận Hà Đông (nay là **Vận Thành, Sơn Tây**)
- **NĂM MẤT:** 220 Lâm Thụ, Kinh Châu (nay là **Nam Chương, Tương Dương, Hồ Bắc**)
- **THỌ:** 58 tuổi

Các sách sử chính thống không có ghi chép gì về tổ tiên của Quan Vũ. *Quan Đế minh thánh kinh* (một ghi chép **tôn giáo** được cho là do chính «*Quan Thánh*» viết bằng cách **nhập hồn** vào người **lên đồng**) cho rằng ông nội Quan Vũ là Quan Thẩm (關審), tự là Vấn Chi (問之); cha ông là Quan Nghị (關毅), tự là Đạo Viễn (道遠).

Thủa nhỏ, Ngài rất ham học và thích nghiên ngẫm kinh Xuân Thu của Đức Khổng Tử. Quan Vũ là vị tướng được đánh giá là võ nghệ dũng mãnh, “*sức địch vạn người, hổ thần một thời, có phong độ quốc sĩ*”. Về tính cách, ông có nhược điểm là kiêu ngạo, “*thiếu đầu óc chính trị và nhãn quan chiến lược*”, nhưng ưu điểm của ông là lòng can đảm, tôn sùng lễ giáo, hào hiệp trượng nghĩa, sự kiên cường và lòng trung thành tuyệt đối, những ưu điểm này được người dân đánh giá rất cao. Ông được dân gian coi là một biểu tượng của những đức tính như “*Danh lợi không đổi lòng, Giàu sang không dâm loạn, Nghèo hèn không nhục chí, Oai vũ không khuất phục*”.

## TIẾT 2. CÁI CHẾT CỦA QUAN VŨ

### Kinh Châu mất, Quan Vũ rơi đầu

Kinh Châu là một trong 12 châu cuối thời Đông Hán, cũng chính là đất cũ của nước Sở ngày trước nên còn được gọi là vùng Kinh Sở. Về vị trí, Kinh Châu phía bắc giáp với Dự Châu và bộ Tư Lệ (vùng Tam Phụ, chỉ

khu vực quanh Lạc Dương), phía đông giáp với Dương Châu (đất Giang Đông), phía tây giáp với Ích Châu (đất Xuyên Thục). Địa hình đặc biệt khiến vùng đất này giống như một cái túi lớn với bình nguyên Giang Hán và bình nguyên Động Đình Hồ trù phú ở giữa, ba mặt xung quanh đều là núi non bao bọc trùng điệp, ra vào cực kỳ khó khăn. Vị trí ngã ba đường này rất quan trọng nên Tào Tháo và Tôn Quyền đều muốn chiếm. Quan Vũ trấn thủ chiếm giữ năm quận của Kinh Châu (Trường Sa, Nam Quận, Linh Lăng, Quế Chương, Vũ Lăng). Trong đó Nam Quận là do Lưu Bị mượn của Đông Ngô. Sau khi vào Thục, Lưu Bị đem trả hai quận là Trường Sa và Quế Dương cho Tôn Quyền.

Tháng 7 năm 219, Quan Vũ khởi đại quân Bắc phạt đánh Tào Tháo, đem theo con trai trưởng là **Quan Bình**. Về việc tại sao Quan Vũ lại một mình kéo quân đi đánh Tương-Phàn, và đây là chủ ý của ai (**Lưu Bị**, **Gia Cát Lượng**, hay bản thân Quan Vũ) **chính sử** không ghi rõ, và các nhà sử học của **Trung Quốc** thời nay có rất nhiều tranh cãi. Đại quân của Quan Vũ vây hãm thành **Tương Dương**, sau đó lại vây đánh Phàn (樊) thành. Tào Tháo nghe tin, sai **Vu Cấm** dẫn quân đi cứu Tương-Phàn. Hai thành bị vây ngặt, hoàn toàn không liên lạc được với nhau. Trước tình thế đó, các tướng Tào khác gồm thứ sử Kinh Châu, thái thú Nam Dương đều đầu hàng Quan Vũ. Quan Vũ nhân đà thắng trận, dẫn quân tiến sâu vào Hiệp Hạ kích động các bộ tộc thiểu số phản Tào. Nhiều lực lượng chống Tào ở phía nam Hứa Xương nhận ấn hiệu đi theo Quan Vũ. Trung nguyên chấn động. Nhưng trong khi Quan Vũ chưa hạ được Tương Phàn thì **Tôn Quyền** sai **Lục Tồn** và **Lã Mông** đánh úp mấy

quận Kinh Châu của Lưu Bị. Khi Tôn Quyền sai Lục Tốn đến thay đại tướng Lữ Mông để đánh Quan Vũ, thì ông không còn đề phòng như trước. Lý do là đại tướng Lữ Mông là tay văn võ song toàn, lâu thông binh cơ chiến pháp thành thủ Quan Công phòng thủ kỹ càng. Do đó mà đánh mãi Lữ Mông cũng không cách gì thắng được. Tôn Quyền là tay xảo quyệt, hẳn bèn thay Lữ Mông bằng một thư sinh vô danh. Khi nghe tin Lục Tốn đến thay, Quan Vũ khinh địch, không phòng thủ vững chắc nữa. Bởi sự khinh địch này mà Ngài để thất thủ thành Kinh Châu. Sau khi thất thủ, Ngài chạy qua ngã Mạch Thành và sa vào quỷ kế của Tôn Quyền nên cả người lẫn ngựa bị sa xuống hầm và bị bắt. Quan Vũ nhứt định không hàng, nên Ngài cùng với con nuôi là **Quan Bình và cận tướng Châu Thương bị giết chết ngày 18 tháng 10 năm Kiến An thứ 24, thọ được 58 tuổi (năm 220).**

Thế hệ sau nhìn lại cái chết của Quan Vũ phải thắc mắc: Ông bị Từ Hoảng đánh bại phải chạy về giữ Mạch Thành, và cho Liêu Hóa đến Thượng Dung cầu viện. Tướng giữ thành là Lưu Phong, con nuôi Lưu Bị lại cự tuyệt không cứu. Điều này thật khó hiểu: vì sao Lưu Phong dám không cứu Quan Vũ? Như thế, phía trước là Tào Tháo, phía sau là Tôn Quyền, lại thêm con của Lưu Bị không cứu, thế thì tướng Quan Vũ dù có ba đầu sáu tay cũng không thể không thua. Cuối cùng, **Quan Vũ bị quân Ngô bắt sống.** Đến lúc này, Quan Vũ tất phải chết. Ở đây không thể không nói đến sự kiêu ngạo của Quan Vũ. Kinh Châu là cứ địa vô cùng trọng yếu, hội đủ thiên thời, địa lợi, nhân hòa, Đối với hai nước Thục, Ngô đều vô cùng có ý nghĩa. Quan Vũ để mất Kinh Châu, không chỉ là để mất đi bảo địa mà còn dẫn tới mất đi cả tính

mạng của mình. Cái chết của Quan Vũ thật là quá đáng tiếc, không gì có thể bù đắp lại cho Lưu Bị và nước Thục.

\*\*\*Theo truyền thuyết, Tôn Quyền chiến thắng mở tiệc khao quân, khen ngợi Lã Mông là viên tướng giỏi nhất của Đông Ngô, có công lớn trong việc đánh Thục, chiếm được Kinh Châu, bày kế bắt sống Quan Công. Ngay lúc đó, linh hồn của Quan Công nhập vào Lã Mông, nắm đầu Tôn Quyền xô ngã sập xuống đất. Lã Mông nhảy lên ngôi trên vai của Tôn Quyền, tự xưng là Quan Vân Trường, đến đây để trả thù. Tôn Quyền sợ quá, cùng các tướng sĩ quỳ xuống lạy Lã Mông. Lạy vừa xong thì Lã Mông ngã quay xuống đất, hộc máu mà chết. Linh hồn của Quan Công bay về đất Thục, nửa đêm xuất hiện gặp Lưu Bị, kêu gọi đem quân đi báo thù. Tướng Trương Chiêu bày kế cho Tôn Quyền đem đầu Quan Công đến dâng cho Tào Tháo để tỏ cho Lưu Bị biết rằng việc giết Quan Công là do Tào Tháo xúi giục, chứ không phải là chủ đích của Tôn Quyền. Lúc bấy giờ, quân Thục sẽ không đánh Ngô mà kéo sang đánh Ngụy.

Tào Tháo đang ở Lạc Dương, thấy sứ giả Đông Ngô đem đầu Quan Công đến, hết sức vui mừng. Tư Mã Ý bèn vạch cho Tào Tháo thấy đây là mẹo của Đông Ngô nhằm đổ vạ cho Tào Tháo. Theo lời Tư Mã Ý, Tào Tháo cho tạc một thân người bằng gỗ trầm, ghép đầu Quan Công vào, làm lễ an táng theo nghi thức vương hầu, chôn ở gò đất phía Nam thành Lạc Dương. Tất cả quan văn, tướng võ đều phải đi đưa tang cả. Tào Tháo đích thân đến quỳ lạy, truy tặng Quan Công chức Kinh vương, sau đó còn cử quan chức lo việc canh giữ mộ.

Chuyện kể trên có hư cấu về chi tiết, nhưng về cơ bản là đúng với sự thật lịch sử, mang tính chất sử thi

hùng tráng. Tuy đã chết cách đây hàng nghìn năm, Quan Công vẫn sống mãi trong lòng nhân dân Trung Quốc. Họ xem Quan Công là vị anh hùng chân chính không hề biết khiếp sợ, không lùi bước trước khó khăn, chiến thắng mọi đau khổ về thân xác, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

Xác chết của Quan Vũ đầu một nơi, thân một nẻo, nên dân gian đặt ra câu nói: “*Đầu ở Lạc Dương, thân nằm Tương Dương, hồn về cố hương (Sơn Tây)*”. Thủ cấp của Vũ được Tôn Quyền dâng cho Tào Tháo, Tháo cho chôn tại Lạc Dương. Phần thân thì táng ven sông nơi Quan Vũ và con trai bị **chặt đầu**, nay thuộc **Hồ Bắc**, Trung Quốc. Hai ngôi mộ được cho là ban đầu rất đơn sơ. Đến thời **nhà Tùy** và sau này là **nhà Đường**, mộ được tu sửa, trở nên bề thế, tráng lệ hơn. Đến thời **nhà Minh**, hai ngôi mộ Quan Vũ đều trở thành “*Quan lăng*” với quy mô to lớn, vô cùng uy nghi. Các sử gia đánh giá rằng: Lưu Bị và Quan Vũ có nhiều điều không phải với Tôn Quyền, nhưng việc Tôn Quyền ngầm đầu hàng Tào Tháo từng là kẻ thù chung, để đánh lén sau lưng, giết chết Quan Vũ là quá đáng.

Đây chính là oan nghiệt mà sau này Quan Vũ và Tôn Quyền sẽ trả cùng nhau theo luật Nhơn Quả, trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.



(Ảnh: Epoch Times)



Người đời sau còn cho rằng: Lưu Bị, Gia Cát Lượng, Tào Tháo, Tôn Quyền đều là đồng lõa trong việc đẩy Quan Vũ đến chỗ chết. Chính vì vậy, Quan Vũ cao thượng vượt hẳn trên họ trở thành “*Quan Thánh*”, còn họ thì không.

### TIẾT 3. QUÁ TRÌNH ĐƯỢC PHONG THÁNH

Theo **giáo sư tiến sĩ** người Hà Lan Barend Ter Haar, một nhà nghiên cứu văn hóa Trung Quốc của **Đại học Hamburg** và tác giả sách *Guan Yu: The Religious Afterlife of a Failed Hero* (ISBN 9780198803645), “*sự nghiệp tâm linh kiếp sau*” của Quan Vũ bắt đầu với giai đoạn là một vong hồn được dân địa phương lập miếu thờ để cầu an. Sự sùng bái Quan Vũ ở đất Thục (Tứ Xuyên) dần dần xuất hiện những đồn đại về **hồn ma** Quan Vũ “*hiển linh*” ở Tương Dương nơi ông bị **chặt đầu**.

#### I. QUAN CÔNG VŨ THÁNH

**Trần Thọ** (233 – 297) người ở quận Ba Tây (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc), trước làm quan trong triều đình Thục Hán, sau khi Thục Hán diệt vong, ông sang làm quan cho nhà Tây Tấn. Ông là tác giả của bộ chính sử Tam Quốc Chí, một trong 24 bộ chính sử nổi tiếng của Trung Quốc. Khi viết Tam Quốc Chí, ông đã căn cứ vào nhiều sử liệu đương thời.

Hình tượng Quan Công (關公) đã được thần thánh hóa trong các câu chuyện dân gian, bắt đầu từ thời kỳ **nhà Tùy (581–618)**, và được tiểu thuyết hóa trong **Tam quốc diễn nghĩa của La Quán Trung (thế kỷ 14)**.

Hơn 500 năm sau khi chết, vào năm **782**, Quan Vũ

được **Đường Đức Tông** đưa vào Võ miếu, nơi thờ cúng các danh tướng trong lịch sử. Sau đó các hoàng đế **nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh, nhà Thanh** phong tước, phong đế, đồng thời dân chúng thờ cúng Ngài ở nhiều nơi. Thời **nhà Minh**, Quan Vũ được cho là đã «*hiển Thánh*» giúp đỡ **Chu Nguyên Chương** đánh bại **Trần Hữu Lượng** (con **Trần Ích Tắc**) trong **trận hồ Bà Dương**, nên **Minh Thái Tổ** cho xây dựng “*Quan Công miếu*” ở **Nam Kinh** để cúng bái. Năm **1614**, **Minh Thần Tông** phong Quan Vũ làm “*Tam Giới Phục Ma Đại Đế Thần Uy Viễn Chấn Thiên Tôn Quan Thánh Đế Quân*”. Quan Vũ chính thức trở thành “*Quan Thánh*”, “*Quan Đế*”.

Vào **thế kỷ 17**, vua **Hàm Phong** phong cho Quan Vũ là «*Phu Tử*», trở thành «*Võ thánh*» sánh ngang với Văn thánh **Khổng Phu Tử**. Sau khi **nhà Thanh** và chế độ **phong kiến** sụp đổ, hình tượng «*Quan Công*», «*Quan Thánh*» tiếp tục được dân gian sùng bái, từ thợ cắt tóc, thương nhân, đến **Hội Tam Hoàng**.

Quan Vũ được đánh giá là vị tướng võ nghệ xuất chúng, dũng cảm phi thường, uy tín đứng đầu toàn quân. Ông trọng điều nhân nghĩa, giữ chữ tín, là bầy tôi tuyệt đối trung thành. Trong trận **Từ Châu**, **Tào Tháo** bắt được Quan Vũ, Nhưng vì rất quý trọng khí phách và tài năng của Quan Vũ nên **Tào Tháo** không đối xử với ông như là tù binh mà coi là bậc thượng khách, ban lễ vật và chức tước rất trọng hậu, mong thu nạp được ông. Nhưng dù **Tào Tháo** hậu đãi bao nhiêu lần cũng vẫn không thuyết phục được ông từ bỏ **Lưu Bị**, dù **Lưu Bị** khi đó đang phải phiêu dạt khắp nơi và sự nghiệp rất mờ mịt. **Tào Tháo** tuy thất vọng vì không thu nạp được ông, nhưng cũng phải khen ông là “*Thờ chúa không quên gốc, thật là nghĩa*”

*sĩ thiên hạ vậy*”. Thời ấy, rất hiếm có võ tướng nào được Tào Tháo ca ngợi như vậy. Ông theo phò tá Lưu Bị suốt 30 năm, phải trải qua gian lao khó nhọc, nhiều phen suýt trận vong nhưng một lòng trung thành không đổi.

Lịch sử Trung Hoa từng ghi nhận không ít trường hợp mộ hoàng gia, quan lại bị kẻ trộm mộ phá hoại, chỉ có rất ít mộ huyệt dù có địa danh cụ thể nhưng vẫn không bị xâm phạm và trong đó có mộ Quan Vũ. Suốt 1.800 năm, hai ngôi mộ của Quan Vũ vẫn không kẻ nào dám động tới, bởi sự tôn thờ mà hậu thế dành cho ông. Ngày nay, ông vẫn được nhiều người Trung Quốc ở khắp nơi tôn thờ. Trong lòng người sùng đạo, ông được tôn kính gọi là Quan Công. Ông là một vị thần được tôn thờ trong tôn giáo dân gian Trung Quốc, Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo. Võ thánh Quan Vũ trong lòng người dân là người dũng cảm, tài trí, văn võ song toàn, từ bi, thích giúp đỡ kẻ yếu hèn, trung thành.

## II. TRỞ THÀNH GIÀ LAM PHẬT

Theo truyền thuyết vong hồn của Quan Công, uất khí chưa tan, bay lơ lửng về phía núi Ngọc Tuyên, trên núi có một ngôi chùa mà Đại Sư Phổ Tịnh đang tu tại đó. Đêm ấy trăng sáng, vừa mãn canh ba, bỗng nghe trên không có tiếng kêu lớn: Trả đầu cho ta. Phổ Tịnh ngược mặt nhìn lên mây, thấy một người cỡi ngựa Xích thố, cầm cây Thanh long đao, bên tả có một tướng mặt trắng khô ngô, bên hữu có một tướng mặt đen râu quai nón, theo hầu. Phổ Tịnh lấy đuôi chủ gõ vào cửa nói:

– Vân Trường ở đâu?

Hồn Vân Trường liền đáp xuống trước chùa, hỏi:

– Sư Cụ là ai? Xin cho biết pháp hiệu.

Phổ Tịnh đáp:

– Lão Tăng là Phổ Tịnh, khi trước nơi chùa Trấn Quốc, Quan Hầu quên rồi sao?

– Trước kia tôi nhờ ơn Ngài cứu cho, nay tôi đã thác, xin Ngài chỉ đường mê muội cho tôi.

– Nay Quan Hầu bị Lữ Mông làm hại, kêu lên: Trả đầu cho ta, thế còn Nhan Lương, Văn Xú, sáu tướng qua năm ải, và biết bao nhiêu cái đầu khác nữa, họ đòi vào đâu?

Quan Công nghe Đại Sư Phổ Tịnh nói câu ấy thì giác ngộ, liền biến mất. Phổ Tịnh biết Quan Công hiển Thánh.

■ *(Viết theo truyện Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa)*

Khi Quan Công đã hiển Thánh rồi, Ngài trừ tà diệt quỷ, cứu độ sanh linh, và từ đó đến nay, Ngài không tái kiếp, mà dùng quyền hành thiêng liêng để lập công. Sau Quan Công chứng được quả Già Lam Bồ-tát, rồi Cái Thiên Cổ Phật và Quan Thánh Đế Quân. Mặc dầu Ngài đã mất cách nay mấy ngàn năm, nhưng người đời vẫn luôn luôn kính mến Ngài, không phải vì Ngài là một danh tướng, mà chính là do phong cách quân tử với đầy đủ đức độ nhân, nghĩa, trí, dũng của Ngài.

Có thể thấy, Phật giáo khi du nhập từ Ấn Độ vào Việt Nam thông qua hai con đường chính, một đường từ Trung Quốc sang do tiếp biến văn hóa và giao thoa văn hóa Hán Việt, một đường do tăng sư và người buôn Ấn Độ đưa sang nhờ giao lưu văn hóa kinh tế. Con đường từ Trung Quốc sang là Phật giáo Bắc tông, con đường

từ Ấn Độ sang truyền Phật giáo Nam Tông.

Phật giáo Bắc Tông vì ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc nên có sự xuất hiện của *Già Lam Bồ Tát* – Quan Công.

**Trong các chùa miếu thờ Phật, Già Lam là Hữu hộ pháp, Vi Đà là Tả hộ pháp.**

Già Lam Hộ Pháp cùng với Vi Đà Tôn Thiên Hộ Pháp đứng trấn giữ, bảo vệ Phật pháp, ngăn cản cái ác, cái xấu không thể vào làm ô uế nơi thờ tự linh thiêng. **Vi Đà Hộ Pháp** được Đức Phật giao trấn hộ ba châu Đông, Tây, Nam.



## CHƯƠNG BA QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI



	Thiên Nhân tượng trưng Thượng Đế	
Nhứt		Nguyệt
	Đức Phật Thích Ca	
Đức Lão Tử		Đức Khổng Tử
	Đức Lý Thái Bạch	
Đức Quan Âm		Đức Quan Thánh
	Đức Chúa Jesus	
	Đức Khương Thượng	

*Hình thờ trên Thiên bàn trong tôn giáo Cao Đài*

### TIẾT 1. VỊ PHẬT CỦA VẠN LINH, TRẠNG SƯ CỦA VẠN LINH

Thời Tam Kỳ Phổ độ, Tam giáo qui nguyên Ngũ cchi Phục nhứt, Đức Chí-Tôn phải lập Tam Trấn Oai nghiêm thay quyền Tam giáo. Tam Trấn thay mặt cho Tam Giáo:

- Phía tả là **Đức Quan Âm Như Lai**, đệ nhứt Trấn Oai Nghiêm, chủ về Phật Đạo.
- Ở giữa là **Đức Thái Bạch Kim Tinh**, đệ nhị Trấn Oai Nghiêm, chủ về Tiên Đạo.
- Phía hữu là **Đức «Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân»** 協天大帝 關聖帝君. Ngài là Tam Trấn Oai

Nghiêm, đại diện Đức Khổng Thánh cầm quyền Nho Giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chủ về Thánh Đạo.

Trong Đạo Cao Đài, Hội Thánh lấy ngày **24 tháng 6 âm lịch hằng năm làm ngày Đại lễ Vía Đức Quan Thánh**. Khi đến ngày nầy, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều thiết lễ Đại đàn cúng Vía Đức Quan Thánh Đế Quân, có Chúc sắc thuyết đạo nhắc lại công đức của Ngài.

Để bổ túc cho phần Tiểu sử trên của Đức Quan Thánh, xin chép ra sau đây bài Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp vào thời Tý ngày 24-6-Mậu Tý (dl 30-7-1948) tại Đền Thánh nhân Lễ Vía Đức Quan Thánh:

*«Hôm nay là ngày Vía Đức Cái Thiên Cổ Phật Quan Thánh Đế Quân, tức là Hôn Thọ Đình Hầu Quan Vân Trường nhà Hôn, đời Tam Quốc. Một vị hiển Thánh đời Hôn thời Tam Quốc, ngày nay đạt phẩm vị đến Tam Trấn Oai Nghiêm trong nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn, sự vinh hiển cao trọng đó, ta thấy giá trị vô đối. Với một Đấng Thiêng Liêng mà lập vị mình một cách oai quyền vinh hiển, ta thường thấy rất ít; thẳng có chăng trong nước Việt Nam ta, Đức Trần Hưng Đạo gọi là có thể đương đầu với Ngài được mấy may chút ít mà thôi, chớ phần đông từ thử đến giờ, kể cả các nước Á Đông nầy hiếm có. Vậy ta nên khảo cứu coi Ngài làm thế nào đạt được Thiên vị vinh diệu đặc biệt dường ấy.*

*Hôn Thọ Đình Hầu Quan Vân Trường buổi nọ là một vị tướng của Thục, tức Lưu Bị. Ta thấy đại nghĩa của Ngài, trung cương nghĩa khí của Ngài, nhứt là về bằng hữu chi giao, tình nghĩa đối với bạn hữu của Ngài, dám chắc dẫu*



chúng ta, dân tộc Việt Nam hằng chịu ảnh hưởng văn hóa Nho Tông, chưa có được người nào giống như Ngài vậy. Tâm trung nghĩa, chẳng vì sang mà theo Tào, chỉ chuộng Hồn; nghĩa chẳng vì bận buổi khổ não truân chuyên mà phụ rầy tình nhau. Trung và nghĩa ấy hy hữu. Nói đến chí khí của Ngài, Bản đạo tưởng luận không hết: Ngài bất sát hạ mã chi nhơn. Truyện sách lưu lại rằng Ngài suýt bị Hạ Hầu Đôn giết vì nó biết cái sở yếu của Ngài mà lợi dụng, nếu không có Trương Liêu đến cứu. Mỗi khi Ngài trở cây Yển Nguyệt Thanh long đao định vót nhà nó thì nhà nó nhảy xuống ngựa. Chí khí đó, thế gian hy hữu. Ngài lập chí với bộ sách Xuân Thu mà thôi. Người sau có tặng Ngài đôi liễn:

**Chí tại Xuân Thu, công tại Hồn,**

**Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng Thiên.**

(Chí hướng lập ở Kinh Xuân Thu của Đức Khổng Tử, công lao lập với nhà Hán. Lòng trung sáng như vầng Mặt Trời Mặt Trăng, cái nghĩa cao như trời.)

Trọn đời Ngài không lúc nào rời bộ sách Xuân Thu này, đọc để lấy tinh thần của sách, suy luận làm tinh thần của mình. Kể từ Đào Viên kết tình bằng hữu cùng nhau, từ thuở bản hàn cho đến khi vinh hoa phú quý sang trọng, Ngài vẫn một mực không hề thay đổi tâm đức bao giờ. Tinh thần của người ấy là tinh thần đứng riêng biệt một mình, một cảnh giới mà thôi. Thế gian khó tìm thấy một kiểu võ thứ hai nữa đặng. Tinh thần của Ngài có oai quyền đặc sắc. Ta thử tìm coi Ngài làm sao mà đặng như vậy?

**Ngươn linh của Ngài là Xích Long Tinh.** Buổi nọ dân Bắc Hồn phạm Thiên điều, bị Ngọc Hư Cung phạt, hạn không cho mưa, đặng cho dân ấy phải đói. Dân làng biết

mà cầu nguyện nơi Ngài cứu nạn. Ngài cũng thừa biết dân ấy bị Thiên điều hành pháp, nhưng vì lòng ái tuất thương sanh, không nỡ để dân chết đói, nên Ngài làm mưa. Ngọc Hư Cung bắt tội, sai Ngũ Lô tru diệt. Ngài chạy trốn vào một cái chùa, nhờ ông thầy chùa lấy chuông úp lại. Vị sư căn dặn bốn đạo trong chùa đừng ai dỡ chuông cho đến ngày nào Ngài hết nạn. Chư Đạo trong chùa tọc mạch dỡ chuông ra xem coi vật gì. Thành thử Ngài **phải chịu đầu kiếp, kiếp ấy là Hạng Võ**. Hạng Võ thì ai cũng biết.

Nếu ta quan sát trong Trọng Tương vấn Hôn thì rõ **tiền căn Hạng Võ, hậu kiếp Quan Công**. Bởi Hôn Bái Công khi lập quốc rồi, nghe lời Lã Hậu, diệt công thân, giết Hàn Tín. Án ấy nằm dưới Phong Đô mấy đời mà không ai xử đặng. Buổi ấy có thầy Trọng Tương là học trò khó, nhà nghèo nhưng rất hiếu hạnh. Cha chết, Trọng Tương cất nhà mồ thờ cha mà ở. Thường hay buồn than thân trách phận, biết mình hữu tài mà vô dụng, nên viết một bài thi có ý than rằng: Thiên địa hữu tư, Thần minh bất công (Trời Đất có lòng riêng, Thần minh không công bình), dụng ý trích điểm cái án nhà Hôn mà dưới Phong đô chưa có ai xử nổi. Vì vậy mà Trọng Tương mắc tội phạm thượng, hồn bị dẫn đến Phong đô, đem cho Thập Điện Diêm Vương vấn tội.

Trọng Tương bình tĩnh trả lời rằng: Nếu cho tôi làm Thập Điện Diêm Vương, tôi sẽ xử án ấy cho mà coi. Thập Điện Diêm Vương bằng lòng.

Trọng Tương xử: **Tiền căn báo hậu kiếp:**

- Bành Việt, cho đi đầu thai làm Lưu Bị,
- Anh Bố làm Ngô Tôn Quyền,
- Hàn Tín làm Tào Tháo,

- Hạng Sư làm Nhan Lương,
- Hạng Bá làm Văn Xử,
- Hạng Võ làm Quan Công . . .

Ta thấy 6 tướng của Hạng Võ đem lòng phản bội, đầu nhà Hôn, rượt Hạng Võ đến bến Ô Giang, phải cắt đầu trao cho Đinh Trường. Chú của Hạng Võ là Hạng Bá, trở lại phản cháu, đã đầu lụy Hôn Bái Công, còn trở lại phạt Sở. Tiền căn hậu kiếp vay trả, quả báo y nhiên.

Có một điều lạ là với Lữ Mông, oan nghiệt có khác. Tiền kiếp của Lữ Mông là ông thợ rèn, Quan Vân Trường đến mượn rèn Thanh long đao với một kiểu đặc biệt. Khi rèn xong, Ngài cầm ra sân thử đao, chẳng ngờ vô tình làm chết oan ông thợ rèn. Ông thợ rèn sau đầu kiếp làm Lữ Mông. Cho nên buổi Ngài xuất thần qui vị, là trả cái ngày làm chết ông thợ rèn..

Khi Chơn linh của Ngài xuất ngoại, Châu Thương và Quan Bình cùng tự tử chết theo. Hồn ba người ấy bay giữa không trung, đi ngang ngôi chùa, kêu ông thầy trụ trì là Phổ Tịnh, đòi ông nợ trả đầu. Phổ Tịnh bèn lấy cái quạt gõ trên cửa, tung ba biển Vãng Sanh. Ngài hạ xuống tiếp đòi đầu nữa. Phổ Tịnh nói rằng: Nhan Lương, Văn Xử kia mới đòi đầu với ai? Ấy là **tiền căn báo hậu kiếp** thôi chớ.

Đức Quan Thánh tỉnh ngộ, xin ông Phổ Tịnh cho Ngài ở đó đặng tu. Chơn linh Ngài ở nơi chùa đó mà hiển Thánh. Khi hiển Thánh rồi, Ngài trừ tà diệt quỷ, cứu độ sanh linh, và từ đó đến bây giờ, Ngài không tái kiếp lần nào nữa, duy dụng cái quyền hành thiêng liêng hành đạo mà thôi. Với quyền thiêng liêng ấy mà Ngài **lập được Phật vị là Cái Thiên Cổ Phật**, nhờ **Vạn linh tôn trọng Ngài lên. Bần đạo dám quả quyết Ngài không phải là Thiên**

*phong mà chính là người của Vạn linh bầu cử. Cho nên Đức Chí Tôn mở Đạo là cơ quan hiệp nhứt Vạn linh, để Đấng ấy là Tam Trần Oai Nghiêm đặng làm quan Trạng sư cho Vạn linh đạt kiếp.»*

<sup>(1)</sup> Theo Tam Quốc Ngoại Truyện, cái chết của ông thợ rèn xảy ra như sau: Khi Quan Võ ra sân múa thử đường đao, ông thợ rèn biết cây Thanh long đao này oai lực rất mạnh nên chạy núp trong bóng của một cây đại thụ gần đó. Quan Võ thử đao, muốn chém một vật nào đó xem đao thế nào, thấy có cây đại thụ ở gần liền múa đao chém thử, thân cây đại thụ bị đứt ngang ngã nhào, ông thợ rèn núp trong đó cũng bị đứt đầu chết theo.

## TIẾT 2. THI VĂN CỦA ĐỨC QUAN THÁNH

Đức Quan Thánh không thường giảng cơ dạy Đạo như Đức Lý Đại Tiên, thỉnh thoảng Ngài mới giảng cho một bài. Sau đây, chúng tôi xin chép lại bài giảng cơ của Ngài tại Minh Thiện Đàn, làng Phú Mỹ, Mỹ Tho, ngày 19-6-Tân Mùi (1931) với 4 câu thi đầu, khoán thủ là: CÁI THIÊN CỔ PHẬT:

**CÁI** thế công danh thế quý oai,  
**THIÊN** tào kim phụng lệnh Cao Đài.  
**CỔ** kim độ chúng lao hà nại,  
**PHẬT** Thánh đạo tông tạo thế lai.

Ta chào Giáo Hữu, cùng chư Nhu. Biết Lão không?

– Quan Thánh Đại Đế. Nay chư Nhu cầu chi?

Bạch: .....

– Việc ấy chẳng cần nói.

**Chư** nhu nhẹ tánh lẫm âu lo,  
**Lo** vậy càng xa Thánh ý trò.

**Trò cứ một lòng vâng thừa lệnh,  
Lệnh trên nào để để gì cho.**

Vậy chư Nhu tuân mạng nghe! Giáo Hữu khá nghe, bởi tiên tri của Lý Đại Tiên dạy trước rằng, **phải coi chừng Quỷ vương chen lấn vào mà thử thách chư Chức sắc Thiên ân, cùng cả Đạo lương phải.** Ta nói vậy khá kiểm hiểu, chớ chẳng khá ... .. trọn phận.

THI:

**Huân vì việc Đạo ở nơi nào?  
Nhưng cũng tại lòng chẳng phải cao.  
Sung sướng càng quen càng giả dối,  
Gây nên oan nghiệt, tội dường bao!**

Nay Lão cũng vì cơ chuyển phục cũng cần, nên còn chưa tỏ cho cùng Thánh ý đặng. Vậy Lão xin chư Nhu ráng lo cùng Lão mà chấn hưng Minh Thiện chuyển phục các nơi nghe! Lão mong cho chư Nhu trọn lời phú thác. Lão mừng chư Nhu. Lão thặng.

Dưới đây là hai bài thi của Đức Quan Thánh trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

**Tiết nghĩa trung can Hồn đánh xây,  
Phò Lưu dựng Thục một lòng ngay.  
Kinh Châu thất thủ nơi Thiên định,  
Khiến Hồn vận suy phải đổi thay.**

**QUAN thành tái hiệp Hồn triều phong,  
THÁNH đức mạc vong hám thể trần.  
ĐỂ thất nhứt tâm trung khí đồng,  
Thanh y xích diện hảo vinh phong.**

### TIẾT 3. VAI TRÒ CỦA TAM TRẦN OAI NGHIÊM

Giáo lý Cao Đài đã cho biết là đây là thời kỳ “*Nho Tông chuyển thế*.” Vai trò của Tam Trấn Oai Nghiêm là thực hiện chí hướng của Kinh Xuân Thu, tái lập Nho Giáo, diệt trừ tà mị làm loạn Đạo, đem lại thái bình thịnh trị cho xã hội.

#### Từ Quan Thánh Đế Quân đến Hiệp Thiên Đại Đế

Trong bài kinh “*xưng tụng công đức Phật, Tiên, Thánh, Thần*” có đoạn sau:

**“Oai bốn hướng Thần nhường qui sợ  
Đức ba giếng tế trợ thương sanh.**

**Hơn trào Quan Thánh bìa danh,  
Trung cang nghĩa khí háo sanh giúp đời.**

**Tuần ba cửa cõi Trời đều dụng,  
Xét bốn phương dân chúng dữ lành.”**

■ (trích theo Kinh Lễ Tòa Thánh Tây Ninh)

Đạo Cao Đài thờ Đức Quan Thánh Đế Quân ở hàng Tam Trấn Oai Nghiêm không phải là tôn thờ một vị tướng Tàu, do ảnh hưởng của văn hóa Tàu, mà là thờ một vị Đế Quân ở cõi Thiêng Liêng, có nhiệm vụ tái lập NHO TÔNG cho nhân loại, thi hành sứ mạng của Đức Chí Tôn giao phó. Ngoài ra, Ngài là một vị HIỆP THIÊN ĐẠI ĐẾ, có nhiệm vụ diệt mị trừ tà, dẫn dắt con người tu đúng cách để có thể hiệp nhất cùng Thượng Đế.

**Vai trò đưa chơn hồn con Người về với Đức Chí Tôn trong cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.**

Chín bài Kinh cúng Tuần Cửu là các bài kinh tụng để dẫn chơn hồn con người sau khi đã qui liễu đi qua 9

cõi Trời tức Cửu Trùng Thiên để về hội hiệp với Đức Chí Tôn. Những chơn hồn sau khi qua Cửu Trùng Thiên, muốn được về với Đức Chí Tôn, còn phải qua 3 cõi Trời nữa, đó là **Hư Vô Thiên**, **Hội Nguơn Thiên** và **Hỗn Nguơn Thiên**, tức là cõi Phật. Tổng cộng là 12 cõi Trời, tức Thập Nhị Khai Thiên, theo giáo lý của Đạo Cao Đài.

Theo bài kinh **Đệ Thất Cửu** cho biết, Đức Quan Thánh Đế Quân trong vai trò Phật Già (Dà) Lam độ dẫn chơn hồn con người về Tây Phương Phật.

### **KINH ĐỆ THẤT CỬU**

*(Giọng Nam-Xuân)*

**Nhẹ phôi-phối dồi-dào không-khí,  
Hạo-Nhiên-Thiên đã chí môn-quan.**

**Đẹp xinh cảnh vật đòi ngàn,  
Hào-quang chiếu diệu khai đàn thặng Thiên.**

**Cung Chưởng-Pháp xây quyền Tạo-hóa,  
Kiến Chuẩn-Đề thạch-xá giải thi.**

**DÀ-LAM dẫn nẻo Tây-Qui,  
Kim chung mở lối kịp kỳ kỳ sen.**

**Động Phổ-Hiền Thần Tiên hội hiệp,  
Dở Kim-Cô đưa tiếp linh-quang.**

**Im-lìm kìa cõi Niết-Bàn,  
Lôi-Âm trống thúc lên đàn thượng Thiên.**

**Nam-Mô Cao-Đài . . . (Niệm 3 lần)**

**THẮT-NƯỞNG DIÊU-TRÌ-CUNG**

000

## KINH TIỂU TƯỜNG

(Giọng Nam-Xuân)

Tịnh niệm phép Nhiên-Đẳng tưởng tín,  
HƯ-VÔ-THIÊN đến thánh Phật-điều.

Ngọc-Hư đại hội ngự triều,  
Tiểu quang nhị bá Thiên-Kiều để chơn.

Bồ-Đề-Dạ dẫn hồn thượng tấn,  
Cực-Lạc-Quan đẹp phận Tây-Qui.

Vào Lô-Âm, kiến A-Di,  
Bộ Công Di-Lạc Tam-Kỳ độ sanh.

Ao Thất-Bửu gọi mình sạch tục,  
Ngôi liên-đài quả phúc DÀ-LAM.

Vạn-Linh trời tiếng mắng thăm,  
Thiên-thơ Phật tạo độ phàm giải căn.

Nam-Mô Cao-Đài . . . (Niệm 3 lần) \*

*Khi làm tuần cứu cứu rồi, đếm đủ 200 ngày thì làm  
Tiểu-Tường*

Đức Phật Đà Lam có ngôi vị ở tầng Trời Hư Vô Thiên. Ở tầng Trời này, có Lô Âm Tự và ao Thất Bửu, nghĩa ẩn dụ là cõi Phật.



CHƯƠNG BỐN

**LÊ BÁ TRANG, NGUYỄN NGỌC TƯƠNG**

**Lê Bá Trang**, hóa thân của **Quan Vũ**  
**Nguyễn Ngọc Tương**, hóa thân của **Tôn Quyền**

**TIẾT 1. TIỂU SỬ NGÀI LÊ-BÁ-TRANG (1879–1936)**



Ông Lê Bá Trang sinh năm 1879 tại làng An Qui, tổng An Trung, tỉnh Sađéc. Ông thi đậu ngạch Tri Huyện, được bổ làm Chủ Quận Thủ Đức; rồi thi đậu Tri phủ, được bổ làm Chủ Quận Chợ Lớn; sau đó được thăng Đốc Phủ Sứ, làm Chủ Quận Vũng Tàu. Ông nhập môn vào Đạo Cao Đài vào tháng 5 năm 1926 (Bính Dần).

Ông đứng thứ 7 trong danh sách 28 người đứng đơn trong “TỜ KHAI ĐẠO:

*“Chúng tôi đã ký tên vào tờ Đạo-Tịch ghim theo đây, đến khai cho quan lớn biết rằng :*

*Kể từ ngày nay chúng tôi đi phổ-thông Đại-Đạo khắp cả hoàn-cầu.”*

(Ghi theo thứ tự trong danh sách)

- |                           |                          |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. Bà Lâm Ngọc Thanh      | 15. Ông Huỳnh văn Giỏi   |
| 2. Ông Lê văn Trung       | 16. Ông Nguyễn văn Tường |
| 3. Ông Lê văn Lịch        | 17. Ông Cao Quỳnh Cư     |
| 4. Ông Trần Đạo Quang     | 18. Ông Phạm Công Tác    |
| 5. Ông Nguyễn Ngọc Tương  | 19. Ông Cao Hoài Sang    |
| 6. Ông Nguyễn Ngọc Thơ    | 20. Ông Nguyễn Trung Hậu |
| 7. <b>Ông Lê Bá Trang</b> | 21. Ông Trương Hữu Đức   |
| 8. Ông Vương Quan Kỳ      | 22. Ông Huỳnh Trung Túat |
| 9. Ông Nguyễn văn Kinh    | 23. Ông Nguyễn văn Chúc  |
| 10. Ông Ngô Tường Vân     | 24. Ông Lại văn Hành     |
| 11. Ông Nguyễn văn Đạt    | 25. Ông Nguyễn văn Trò   |
| 12. Ông Ngô văn Kim       | 26. Ông Nguyễn văn Hương |
| 13. Ông Đoàn văn Bản      | 27. Ông Võ văn Kinh      |
| 14. Ông Lê văn Giảng      | 28. Ông Phạm văn Tỉ      |

Ông được Thiên phong Ngọc Chánh Phối Sư vào ngày 3-7-Bính Dần (dl 10-8-1926). Thánh danh Ngọc Trang Thanh.

Năm 1929, Ngài Lê Bá Trang xin từ quan và phế đời về Tòa Thánh Tây Ninh hành Đạo.

Năm 1930, Ngài Lê Bá Trang được thăng lên **Quyền Ngọc Đầu Sư**, cùng một lượt với Ngài Nguyễn Ngọc Tương. Ông Trang cùng với ông Tương rút về Bến Tre lập Ban Chính Đạo, sau đó biến thành Chi phái Bến Tre. Ông được Đại Hội Vạn Linh của phái Bến Tre bầu làm Ngọc Chương Pháp.

Ông Trang qui liễu tại Bến Tre ngày 30-5-Bính Tý (dl 17-7-1936), thọ 57 tuổi, liên đài đưa về Tòa Thánh Tây Ninh ngày 21-7-1936, được đưa vào nhập bửu tháp ở phẩm Ngọc Đầu Sư.

## TIẾT 2. TANG LỄ, NGUYÊN CĂN CỦA NGÀI LÊ BÁ TRANG

Ngày 30-5-Bính Tý (Thứ Sáu 17-7-1936), ông Lê Bá Trang, là Ngọc Chuông Pháp của Ban Chính Đạo (Bến Tre) từ trần. Ban Chính Đạo xin Hội-Thánh Cao-Đài Toà-Thánh Tây Ninh cho ông Trang được an táng nơi Nội-ô Toà-Thánh Tây-Ninh. Dù rằng Hội Thánh Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ đã ngưng quyền cả hai Ông Tương và Trang ngày 26-5-Quý Dậu (Thứ Ba 18-7-1933) nhưng Hội Thánh vẫn rộng quyền ân tứ như lời cầu xin.

Ngày 4-6-Bính Tý (Thứ Ba 21-7-1936), Ban Chính Đạo Bến Tre chở liên đài ông Lê Bá Trang về Toà Thánh, có cả ông Nguyễn-Ngọc-Tương mặc phẩm phục Giáo-Tông của phái Bến Tre. Đoàn tùy tùng Chức sắc áo mào rực rỡ, rần rần, rộ rộ kéo về Toà-Thánh Tây Ninh. Nhưng, Hội Thánh Cao-Đài Toà Thánh căn cứ vào quyết nghị :

*Ban Chính đạo Bến Tre đã có Hội-Thánh riêng, giáo điều riêng, giáo lý riêng, Thánh Thất riêng thì không thể mặc sắc phục này vào Toà Thánh được. Muốn về Toà Thánh thì phải tuân theo Nghị định thứ 8 của Đức Lý Giáo Tông là phải “mặc áo trắng”.*

Ban Chính Đạo thì cho rằng: “Bằng khoán đất và tất cả giấy tờ của Đạo đều là của ông Tương đứng tên thay mặt ngày xưa cùng với Bà Nữ Đầu sư Lâm Hương Thanh” cho nên hôm nay đây ông Tương trở về với vị thế một chủ nhà.

Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tác phán định:

*Những Chức sắc phế phạm, bỏ Tòa Thánh ra đi, đã bị Hội Thánh ngưng quyền, nay ăn-năn hối cải, muốn trở về tạ tội xin Hội-Thánh khoan hồng, thì khi ra đi mang phẩm tước gì, nay trở về phải mang phẩm tước đó; chứ không thể xưa là một phẩm Quyền Đầu sứ nay quay trở lại với một phẩm Giáo-Tông được! Với những hình thức cờ quạt lộng tàng, tiền hô hậu ủng như thế này không thể chấp nhận cho vào Tòa Thánh được».*

Ông Lê Bá Trang được Đức Chí Tôn phong vào hàng phẩm Chánh Phối Sư phái Ngọc, Thánh danh Ngọc Trang Thanh. Sau đó vì nghe lời ông Nguyễn Ngọc Tương (Chánh Phối Sư phái Thượng-Thượng Tương Thanh) tách rời Tòa Thánh Tây-Ninh để lập Chi phái. Sau ngày đó, **Bà Bát Nương** giáng cơ cho một bài thi nhắc lại kiếp căn đồng thời cũng để nhắc nhở ông:

*Sút lười Thanh Long mới sợ câu  
Hỏi ai có biết buổi không đầu?  
Đã từng kết tóc chên ngôi Chúa  
Nhuồn mắt phun râu trợn lũ Tào  
Sáu tướng lụy mình vì đánh Hồn  
Lũ Mông bật tích tại Xuân Thu  
Lầm mưu ví để sau nên họa,  
Đừng đến Bát Nương để khẩn cầu.*

Qua bài thi trên hiểu rằng: Ông Lê Bá Trang là người được Đức Quan Thánh Đế Quân chiết chơn linh. Đức Quan Thánh Đế Quân giáng cơ gọi ông Lê Bá Trang là Linh Tử.

➤ Đàn cơ tại Phạm Nghiệp ngày 11-6-Bính Tý (dl: 28-7-1936)

- PHÒ LOAN: Đức Hộ Pháp và Cao Tiếp Đạo.

**Đức Quyền Giáo Tông giáng cơ nói về chơn linh của Ngài Lê Bá Trang bị đọa nơi Lạc Hồn Trì.**

### THƯỢNG TRUNG NHỰT

“Chào mấy em.

“Thượng Phẩm nói với Qua mấy em đợi.

Ôi! Qua nghĩ lại bắt tức mình, mấy em nghĩ lại mà coi, **một kiếp sanh đâu mấy lát, cái giả cuộc trần hoàn tuy xem nháy mắt mà ảnh hưởng nó sâu sắc biết là bao, nào là danh, nào là vị, nào là tước, nào là quyền, nào là vinh, nào là trọng, rốt sự rồi cũng không còn mấy mún giá trị chút gì nơi cõi Hư linh Hằng sống; bất quá như còn vui dự đặng một tiệc ngọt ngon của khách phong trần say sưa một lát mà đòi phen chịu thảm cả đời.**

Qua đến viếng TRANG nơi Lạc Hồn Trì, nó nằm mê sảng sốt, đau lòng hết sức, như lời Thất Nương và Bát Nương làm chứng, thì dầu cho Qua có đến gần nó lúc này cũng không bổ ích chút nào cả, phải đợi cho nó từ từ định tỉnh, may ra có tay Thất Nương giải mộng thì thỉnh thoảng định tỉnh tỉnh thân. Nếu Qua cưỡng cầu thì chẳng khác nào hầu chuyện với người điên, chọc thêm loạn tánh.”

➤ Hộ Pháp Đường ngày 17–10–Bính Tý (dl: 30–11–1936).

- PHÒ LOAN: Đức Hộ Pháp và Cao Tiếp Đạo.

**Đức Quyền Giáo Tông giáng cơ nói về chơn linh của ông Trang và ông Tương.**

### THƯỢNG TRUNG NHỰT

... “TRANG khóc quá bây ơi! Vừa hiểu hiểu chớ còn

khi tỉnh khi say, nhưng Qua theo bên mình ủng hộ, không sao phòng ngại. Em TÁM làm ơn nói với con Hai cho nó biết, kẻo lo rầu tội nghiệp.

Hộ Pháp bạch: Biết nó nghe không?

– Em cứ nói giùm. Cha chả! Va oán Em đánh Va hôm nọ lắm. Qua an ủi mà hễ tỉnh thì cần-rắn hoài. Em nên viết cho Va một cái thư an ủi, cậy Qua đưa giùm đặng Qua thừa dịp thức tánh Va một chút. Em làm ơn giùm.

..... Ôi! Thây kệ, đừng giận làm gì nữa. Nếu Em thấy Va lúc này thế nào Em cũng tội nghiệp. Em làm phước làm giùm cái tháp cho Va, hễ tỉnh thì hỏi có bao nhiêu đó hơn hết.

Ôi! TƯỜNG là cục nợ báo đời của TRANG, do căn kiếp phải vậy, dầu khi chết cũng còn theo báo hại. Em biết TƯỜNG là ai chăng? Đứa nào nói trúng, Qua thưởng một củ mì!

Qua nói nhỏ: NGÔ TÔN QUỠN đó biết không?...

### TIẾT 3. TIỂU SỬ NGÀI NGUYỄN-NGỌC-TƯỜNG (1881–1951)



## I. SỰ NGHIỆP PHẢN ĐÒI

Ông Nguyễn Ngọc Tương sinh ngày 26-5-Tân Tỵ (22-6-1881) tại làng An Hội, tổng Bảo Hựu, tỉnh Bến Tre. Thân phụ Ông là cụ ông Nguyễn Ngọc Đẩu (1857 - 1882), mất lúc Ngài được mười ba tháng. Thân mẫu là cụ bà Võ Thị Sốt (1856 - 1919).

Lúc nhỏ, ở với nội là cụ ông Nguyễn Hữu Chơn (1832 - 1908), Ông được cho học chữ Nho và quốc ngữ tại nhà. Năm 14 tuổi ra học trường tỉnh, đến 17 tuổi (1898), Ông thi đậu vào Collège de Mỹ Tho. Năm 19 tuổi (1900), Ông lên Sài Gòn học ở trường Chasseloup Laubat và đậu bằng Thành Chung năm 1902, xin làm Thư ký phòng Thượng Thơ. Làm nơi đây được một năm thì xin về làm Thư ký nơi Tòa BỐ tỉnh Bến Tre suốt 17 năm liền.

Năm 1919, Ông thi đậu ngạch Tri Huyện, được bổ làm Chủ Quận Châu Thành Cần Thơ, rồi Chủ Quận Hòn Chông (Hà Tiên). Đến năm 1924 thì Ông đổi về làm Chủ Quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn. Năm 1927 Ông đổi ra làm Chủ Quận Xuyên Mộc (Bà Rịa). Thời gian này, Ông được thăng Tri phủ Thượng Thơ.

Ông thành hôn với bà Trương Thị Tài (1886 - 1906) vào năm 1902, bốn năm sau bà mất, để lại hai con là Nguyễn Thị Tú (1903 - 1926) và Nguyễn Ngọc Hớn (1906 - 1951).

Tái hôn với bà Bùi Thị Giàu (1884 - 1937) năm 1908. Ông có thêm ba người con trai là Nguyễn Ngọc Kỷ (910-1978), Nguyễn Ngọc Bích (1911-1966) Nguyễn Ngọc Nhựt (1918 - 1952) và hai gái là Nguyễn Thị Yển (1913), Nguyễn Thị Nguyệt (1915).

Tổng cộng Ông có 7 người con.

## II. SỰ NGHIỆP PHẢN ĐẠO

Ngày 19 tháng Chạp năm Ất-Sửu (1-2-1926) Quý Ngài Lê văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc xin Đức Chí Tôn xuống Cần Giuộc độ ông Nguyễn Ngọc Tương, lúc ấy đang làm Chủ Quận. Do trước đó, trong thời gian công vụ tại Hòn Chông Hà Tiên (1920-1924), Ngài Nguyễn Ngọc Tương có tìm học Đạo Minh Sư, có ăn chay và tập tu thiền, nên con đường nhập môn của Ngài được nhiều thuận lợi. Ngày rằm tháng Giêng Bính Dần (27-02-1926) tại Dinh Quận Cần Giuộc, chư vị lập đàn cơ. Đức Chí Tôn giảng rằng:

*“Tương, từ đây con trấn nhậm nơi nào thì là hồng phúc của nơi ấy, con nghe!*

***Con trị ai Thầy cũng trị ai,  
Một lòng đạo đức chớ đờn sai.  
Năm năm công quả tua bền chí,  
Chỉ dẫn nhơn sanh bước lạc loài. »***

Ngài nhập môn theo Đạo Cao-Đài vào tháng 2 năm Bính-Dần (1926).

Ngài thọ phong Thượng Chánh Phối Sư ngày 17-5-Bính Dần (dl: 26-6-1926). Đến 3-7-Bính Dần, Ngài được thăng Thượng Chánh Phối Sư tại Vĩnh Nguyên Tự.

**Đầu năm 1927, thọ lệnh Đức Lý Giáo Tông tại chùa Gò Kén, Ngài cùng bà Lâm Hương Thanh đứng bộ đất đai, tài sản tại Thánh địa mới mua (làng Long Thành, Tây Ninh).**

Tháng 2 năm Tân Mùi (1931), Ngài Thượng Tương Thanh xin từ quan (lúc ấy ngài 50 tuổi) để trọn lo hành Đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh.



Ngày 14-10-Giáp Tuất (20/11/1934) nhậm vị Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh và Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh cùng tách rời Tây Ninh về Bến Tre lập Ban Chính Đạo.

Ngày 11-1-Ất Hợi (1935) tại Thánh Thất An Hội Bến Tre, Đại Hội bầu cử Ngài Thượng Tương Thanh làm Giáo Tông (Ban Chính Đạo).

Theo quyển «*Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*», trang 53, cho biết: đến ngày 15-1-Mậu Dần (1938) nhiệm vụ Chính Đạo đã chấm dứt. «***Từ nay, chỉ có Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để hướng dẫn nhơn sanh tu hành đúng theo chơn truyền và Tân pháp Đức Chí Tôn***».

#### TIẾT 4. TÁCH KHỎI TÒA THÁNH TÂY NINH

Theo sử Đạo, «*Ngài LÊ VĂN TRUNG được tôn lên Quyền Giáo Tông nhằm ngày mồng 3 tháng 10 năm Canh Ngọ (1930). Vào lúc ấy là lúc Đạo đương trải qua thời kỳ toàn thịnh mà chủ quyền lại được thống nhất về trong tay của một người nhiều kinh lịch, đủ nghị lực như ông LÊ VĂN TRUNG thì ai cũng tưởng nền Đạo từ đó về sau sẽ được vững chải hơn. Ai ngờ hai chữ “Giáo Tông” lại thành ra cái cớ để khiến những tay cầm quyền Đạo đương thời đã làm cho nảy sanh chẳng biết bao nhiêu việc chia lìa, oán khích. Chẳng những là ở trong Đạo thì họ đã buộc tội, viết tờ Châu Tri để thống mạ, mà ngoài đời, thì họ lại còn xúi giục Tín đồ lâm lạc đem những việc phi lý, vô bằng cứ đến Tòa mà kiện và vu cáo với các nhà đương quyền rằng để cho Ông Lê Văn Trung cầm quyền Đạo tức Cao Đài là dung dưỡng cho một ổ cách mạng. Họ đã làm cho đến nỗi lúc bấy giờ chẳng có ngày nào mà Ông*

Lê Văn Trung chẳng bị ông Thẩm-án nầy đòi hay là Tòa kia đem ra xử. Còn những Chức Sắc nào trong Đạo mà ái mộ Ông Giáo Tông, thì họ lại kiếm phương nầy thế khác mà làm cho bị tù bị tội. Đương giữa buổi nguy nan như thế, Ông Lê Văn Trung vẫn cứ điềm tĩnh, ngời lo sắp đặt công việc bên Nữ phái trong Đạo, mong sao cho Nam, Nữ được bình quyền mà nói rằng:

**“Điều ấy là một cái xa vọng của tôi đã có từ khi đương còn ở ngoài đời, cho đến ngày nhập Đạo. Lúc trước tôi đã giúp bà cụ Tổng Đốc Đỗ Hữu lập trường Nữ Học, bây giờ tôi hiệp sức với Bà Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh tổ chức các Nữ Viện, cũng đồng một ý nghĩa. Tôi chỉ ước ao sao cho Nam-Nữ bất bình đẳng ở ngoài đời chẳng còn trong Đạo nữa”.**

\*trường Nữ Trung học Áo tím, sau đổi trường Gia Long, rồi trường Nguyễn thị Minh Khai, Sài Gòn.

Có nhiều người thấy Ông điềm nhiên như vậy, thì tức mà hỏi: Ngài không dùng phương pháp chi để đối phó với mấy kẻ tiểu nhơn kia sao?

– Sao mà lại được kêu những kẻ ấy là tiểu nhơn? Nếu may mà mình phải, thời tự nhiên một ngày kia người ta sẽ biết quấy, lo ngại chi sự ấy...

Song, than ôi! Lời nói đó chỉ là đúng với lý tưởng của người lương thiện, tu hành. Chớ thật tế ở đời này có đâu được như thế!”

Vào đầu năm 1934, khi hai ông Tương và Trang rút khỏi Tòa Thánh Tây Ninh về Bến Tre lập Ban Chính Đạo, với mục đích chấn chỉnh lại nền Đạo, qui tụ được 85 Thánh Thất theo về với hai ông. Trong lúc đó, toàn Đạo Cao Đài chỉ có 128 Thánh Thất, như vậy số Thánh

Thất theo hai ông Tương và Trang cùng với số tín đồ chiếm hết 2/3, Tòa Thánh Tây Ninh chỉ còn lại 1/3. Hai ông cố gắng lôi kéo một số vị Thời Quân Hiệp-Thiên-Đài theo về hai ông để cho có đủ hai Đài: Hiệp-Thiên-Đài và Cửu-Trùng-Đài, nhưng không thành công, vì một số vị Thời Quân, tuy có bất mãn Đức Hộ Pháp nhưng quý vị ấy muốn giải quyết vấn đề theo chiều hướng khác hơn hai ông kia, không hợp tác với hai ông được.

Thế lực của hai ông rất mạnh, lại được chánh quyền Pháp ủng hộ, nên hai ông tổ chức thuê bao gần chục chiếc xe đò đưa rất đông tín đồ của hai ông về Tây-Ninh dự định sẽ dùng sức mạnh chiếm Nội-Ô Tòa-Thánh. Hai ông báo cho Đức Quyền Giáo-Tông biết ngày 20-1-Giáp Tuất (1934) hai ông sẽ kéo lên Tòa Thánh, vì hai ông nghĩ rằng phần thắng nắm chắc trong tay. Đức Quyền Giáo Tông liền thông báo cho Đức Hộ Pháp. Đức Hộ Pháp tức cấp huy động tất cả khoảng 500 công quả Phạm Môn chia nhau giữ chặt các cửa vào Nội Ô Tòa Thánh. Với sức kháng cự quyết liệt mạnh mẽ của 500 công quả Phạm Môn, lực lượng của hai ông Tương và Trang phải chịu thảm bại, rút lui về Sài Gòn.

**Ngày 19-11-1934 (13.10.Giáp Tuất), Đức Quyền Giáo Tông đăng Tiên.**

24-12-1934 Hai ông Tương và Trang về Thánh-Thất An-Hội (Bến Tre) phổ biến châu tri 147 mạ lỵ Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung và Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc. Sau đó, Ngài Lê Bá Trang được cử chức Ngọc Chưởng Pháp.

Ngày 8-1-Ất Hợi (11-2-1935), Đại Hội Vạn Linh của phái Bến Tre bầu ông Tương làm Giáo Tông phái Bến Tre.

Ngày 7-4-Ất Hợi (9-5-1935) cử hành Lễ Đăng điện cho Ngài Tương lên ngôi Giáo Tông ở Thánh Thất An Hội, Bến Tre và từ đó, Thánh Thất An Hội được gọi là Tòa Thánh Bến Tre.

Năm 1938, Ngài Nguyễn Ngọc Tương cử hành một lễ long trọng, tuyên bố nhiệm vụ của Ban Chính Đạo chấm dứt. Như vậy là Ngài lập thành Chi phái Bến Tre, xây dựng Thánh Thất An-Hội thành Tòa-Thánh Bến-Tre, tổ chức Cứu Viện, thăng thưởng một số Chức sắc cầm quyền Cứu Viện. Thực lực của phái Bến Tre lúc đầu rất đông và rất mạnh, nhưng vì không có chánh nghĩa nên số người theo ông lần lần rút lui, các hoạt động chỉ cầm chừng, dần dần suy tàn, nhất là sau khi Ngài Lê Bá Trang qui vị.

Từ năm 1942 đến 1951, ông Tương thường nhập tịch trong Tịnh Thất riêng, lúc đó ông thường tự xem mình như là một phân thân của Đức Lý Giáo Tông nên xưng là Lý Giáo Tông. Ngày 14-4-Tân Mão (19.5.1951), ông Tương qui thiên, tháp được xây dựng ngay trước Thánh Thất An Hội, Bến Tre.

## TIẾT 5. CÔNG & TỘI CỦA HAI NGÀI TRANG, TƯƠNG

### I. CHIẾC ÁO KHÔNG LÀM NÊN THẦY TU

Như đã nói ở trên, “*Ban Chính Đạo*” xin Hội-Thánh Cao-Đài Tòa-Thánh Tây Ninh cho ông Trang được an táng nơi Nội-ô Tòa-Thánh Tây-Ninh.

Dù Hội Thánh Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ lập Đạo Nghị định thứ 17 ngưng quyền cả hai Ông: Tương và Trang ngày 26-5-Quý Dậu (Thứ Ba: 18-7-1933) nhưng Hội Thánh vẫn rộng quyền ân tứ như lời cầu xin. Nhưng

ngày 4-6-Bính Tý (Thứ Ba: 21-7-1936) Ban Chính Đạo Bến Tre chở liên đài ông Lê Bá Trang về Toà Thánh có cả ông Nguyễn-Ngọc-Tương mặc phẩm phục Giáo-Tông của phái Bến Tre. Hội Thánh Cao-Đài Toà Thánh căn cứ vào quyết nghị là: *Ban Chính đạo Bến Tre đã có Hội-Thánh riêng, giáo điều riêng, giáo lý riêng, Thánh Thất riêng thì không thể mặc sắc phục này vào Toà Thánh được. Muốn về Toà Thánh thì phải tuân theo Nghị định thứ 8 của Đức Lý Giáo Tông là phải “mặc áo trắng”.*

Thánh vệ đã canh giữ các cửa vào Nội-ô một cách nghiêm ngặt. Buộc lòng phái Bến Tre phải để liên đài ông Trang ở ngoài cửa Hoà viện (cửa số 1) rồi các vị kia tủa ra khắp các cửa định tìm đường xông vào. Phía Toà Thánh thì số người của Minh Thiện Đoàn, Phạm Môn kéo hết lực lượng về giữ an ninh trật tự nên phía “*Chính Đạo*” không vào được. Phía Toà án Tây Ninh của Pháp tuy ủng hộ phái Bến tre, nhưng trời đổ mưa như trút, nhóm người này chạy tán loạn, lại bị số lính của thực dân Pháp tới không biết bên nào chủ hoà, bên nào chủ chiến, khiến họ đuổi cả nhóm chạy tơi bời.

Ông Lê Vinh Hiển, trước đây là một thành viên Thiên Địa Hội chống thực dân Pháp, bị bắt kết án “*khố sai chung thân*” nơi Côn Đảo, sau ông vượt ngục trở về, đổi cả tên họ. Chính các Ngài Lê văn Trung, Hộ-Pháp và Thượng-Phẩm có cầu Đức Thượng Đế giáng Cơ thâu nhận là đệ tử tiền khai Đại-Đạo, Đức Chí-Tôn đã đổi tên Lê Vinh Hiển thành Lê Ngọc Diệp để tránh cuộc truy lùng của thực dân Pháp (năm Bính-Dần 926). Ông Lê Ngọc Diệp đến gặp ông Tri phủ Nguyễn Ngọc Tương – Giáo-Tông của phái Bến Tre. Ông nói: *Việc của người Việt Nam hãy để cho người Việt Nam tự giải quyết tốt hơn,*

cũng như việc của Đạo Cao Đài hãy để cho người Cao Đài tự giải quyết, chứ để người Pháp phân xử thì nhục lắm.

Ông đề nghị giúp ông Tương giải quyết vấn đề bằng cách nêu ba điều thắc mắc và nói rằng : «Nếu Đạo huynh giải đáp thoả đáng, tôi sẽ yêu cầu Chú Tám nó (chỉ Đức Hộ-Pháp) mở rộng cửa Toà Thánh thiết lễ long trọng tôn vinh Đạo huynh lên lãnh đạo Toà-Thánh Cao-Đài. Còn nếu Đạo huynh chưa giải đáp được thì hãy đem thuộc hạ về Bến Tre tìm câu giải đáp, khi nào tìm được hãy trở về Tây Ninh, tôi vẫn giữ lời hứa. Nếu chú Tám và Hội Thánh không giúp tôi thi hành lời hứa thì tôi sẽ tự sát trước mặt Đạo huynh để tạ tội vì không thực hành lời hứa này.

**Thắc mắc thứ nhất: Từ ngàn xưa các Tôn giáo đều phải trải qua ba thời kỳ:**

- Thời kỳ lập pháp.
- Thời kỳ thịnh pháp
- Thời kỳ diệt pháp

Nay Đức Chí-Tôn đã nhiều lần lặp đi lặp lại rằng Đạo khai truyền thất ức niên, thế thì:

- thời kỳ lập pháp của Đạo Cao Đài ít nhất cũng một trăm năm,
- rồi còn phải trải qua bốn trăm ngàn năm của thời kỳ thịnh pháp nữa mới tới thời kỳ diệt pháp.

Như vậy Đạo Thầy còn trong thời kỳ phôi thai, mở ra chưa được mười năm, còn trong thời kỳ lập pháp, thì Đạo hư chỗ nào mà các Ngài phải lập Ban Chính Đạo? Và lại Thánh trước Hiền xưa đã nói: Nhơn hư Đạo bất hư thì giờ đây Ban Chính Đạo là chính nổi gì? Nếu như Anh Cả là Đức Quyền Giáo-Tông có hư thì chính Anh Cả, hoặc chú Tám (Hộ-Pháp) có hư thì chính chú Tám

*nó, sao lại Chính Đạo?”*

Ông Lê Ngọc Diệp hỏi tiếp câu thứ nhì:

*«Trước kia ông Ngô Văn Chiêu không nhận phẩm Giáo-Tông, buộc Đức Chí-Tôn phải trao quyền cho Đức Lý Đại Tiên Trưởng kiêm luôn chức Giáo-Tông Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ. Nay Anh Cả Thượng Trung Nhứt dẫu cho là Giáo-Tông hữu hình thì cũng chỉ là Quyền Giáo-Tông mà thôi. Giờ này Anh Cả đã qui Tiên, thì Đạo huynh có muốn thay thế cũng phải là Quyền Giáo-Tông như Anh Cả thôi, chứ sao Đạo huynh lại xưng là GIÁO-TÔNG?»*

*Vậy Đức Lý Giáo-Tông đã bị cách chức hồi nào? Đức Thượng Đế có bằng lòng việc từ chức của Đức Lý Giáo-Tông chưa? Đạo huynh tự phong là Giáo-Tông có được sự đồng ý của Đức Thượng Đế chưa? Còn nếu Đạo huynh cho rằng do thuộc hạ của Đạo huynh phong cho thì là Giáo-Tông của phái Bến Tre chứ không thể là Giáo-Tông của Cao-Đài Toà-Thánh Tây Ninh được. »*

Ông Lê Ngọc Diệp tiếp: *«Qua hai câu hỏi thắc mắc của tôi Đạo huynh không trả lời được thì dẫu cho có câu hỏi thứ ba thì Đạo huynh cũng không hội đủ điều kiện để tôn vinh lên lãnh đạo Cao Đài. Thôi Đạo huynh cùng nhóm anh em thuộc hạ hãy về Bến Tre mà suy ngẫm các câu hỏi ấy.»*

Ngài Nguyễn Ngọc Tương tất nhiên là không thể nào trả lời được các câu hỏi này rồi! Bên ngoài trời mưa to và phía Toà án của thực dân đã đuổi lăm số người của Bến Tre về hết rồi; chỉ còn lại liên đài của ông Trang nằm trơ trọi. Hội Thánh Cao-Đài Tây Ninh lo xây tháp cho Ngài Lê Bá Trang an táng trong Nội-ô Toà Thánh

theo nghi thức Đạo chu toàn.

**Tóm lại:** Qua hai cao trào Chi phái nổi bật nhất là phong trào của ông Nguyễn Phan Long lập Hội Vạn Linh để truất phế Đức Quyền Giáo-Tông Lê Văn Trung và phong trào Ban Chính Đạo của hai vị Quyền Đầu Sư Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang, chúng ta thấy các vị này đã chống đối Toà Thánh Tây Ninh rất mãnh liệt. Hỏi vậy, những vị ấy đã thành công được những gì? Tạo lập được những công trình gì để làm vẻ vang cho Đạo? Làm lợi ích gì cho nhơn sanh? Hay đó chỉ vì tỵ hiềm cá nhân, tranh quyền đoạt vị, không có chánh nghĩa. Đức Chí Tôn đã dạy: **Chi chi cũng tại Tây Ninh này mà thôi.**

Tội phản loạn của ông Trang bị Đức Hộ-Pháp đánh Ma Xử vào Liên đài ba cái mà linh hồn ông bị đọa vào Lạc-Hồn-Trì nằm mê suốt ba tháng trường do Thánh giáo Đức Quyền Giáo Tông cho biết. Sau ba tháng tỉnh hồn, vong hồn nhập vào xác một người chạy vào Hộ Pháp-Đường để cầu xin Đức Hộ-Pháp xá tội. Nhưng khi gặp Ngài, hồn ông Trang nói không nên lời chỉ ú-ớ, Đức Ngài đánh cho một tát tay chạy mất dạng. Thánh giáo của Đức Quyền Giáo-Tông dạy:

*«Rồi đây Nguyễn Ngọc Tương cũng phải chịu hình phạt như thế. Vì ông Tương là chánh phạm dụ dỗ một số người bỏ Chánh Đạo chạy theo để lập Chi-phái mà Bát-Đạo Nghị Định của Đức Lý ghép vào Tả Đạo Bàn-Môn».*

## II. PHẠM THIÊN ĐIỀU: TẬN ĐẠO TAM ĐỒ BẤT NĂNG THOÁT TỤC

Luật Đạo qui định: **nếu phạm thiên điều bị tận đọa tam đồ bất năng thoát tục.**



Ngày 25-4-1926 (15-3-Bính Dần) thiết lễ Thiên phong tại nhà ông Lê Văn Trung ở Chợ Lớn. Đức Chí Tôn dạy:

«*Lịch! con viết 1 lá bùa Giáng Ma Xử đưa cho Tắc cầm. Hai con mặc đồ thường chừng nào Thầy triệu Ngũ Lôì và Hộ Pháp về rồi Thầy biểu mặc vô thể mới đặng.*

*Bàn Thầy giáng cơ thì để trước bàn Ngũ Lôì, khi giáng rồi thì dờì đi cho trống chổ, đặng nhì vị Đầu Sư quì mà thề.*

*Cư đem 3 bộ Thiên phục để vụng trên 3 cái ngai, rồi con chấp bút bằng nhang như mọi lần, đặng Thầy trấn thần 3 bộ Thiên phục và 3 cái ngai ấy. Rồi mới kêu 2 vị Đầu Sư đến quì trước bửu ngai của nó đặng Thầy vẽ phù vào mình, xong cho Giảng xướng lên «Phục vị» thì 2 người leo lên ngồi.*

*Cả thầy chư môn đệ đều quì xuống, bảo Tắc nó leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang đến bàn Ngũ Lôì đặng Thầy trực xuất chơn thần nó ra.*

*Rồi bảo hai vị Đầu Sư xuống ngai đến trước mặt NGŨ LÔI hai tay chấp trên đầu cúi ngay BÙA KIM QUANG TIÊN mà thề như vậy:*

*Tôi là Lê Văn Trung tự Thiên ân là Thượng Trung Nhứt và Lê Văn Lịch tự Thiên ân là Ngọc Lịch Nguyệt thể Hoàng thiên Hậu thổ trước bửu tháp Ngũ Lôì rằng: Làm tròn Thiên đạo mà diu dặt cả mấy em chúng tôi đều là môn đệ của Đức Cao Đài Ngọc Đế. Nhứt nhứt do linh Thầy phân định chẳng dám chuyên quyền mà lập thành tả Đạo.*

*Như ngày sau hữu tội, thì thể có Ngũ Lôì tru diệt.*

*Đến bàn Vi Hộ Pháp cũng quì xuống vái y như vậy nhưng câu sau như vậy:*

*Như ngày sau có phạm Thiên điều thể có Hộ Pháp*

**đọa Tam đồ bất năng thoát tục.**

Rồi mới bảo Giảng sư lại nữa «Phục vị» thì nhị vị Đầu Sư trở lại ngồi trên ngai. Chư môn đệ mỗi người đều đến lạy mỗi người hai lạy.

Tới phiên các môn đệ, từ người đến bàn Ngũ Lô mà thề rằng:

Tên gì ..... họ gì..... **thề rằng: từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế chẳng đổi dạ, đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài.**

**Như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục.**

Tôi trước bàn Hộ Pháp cũng thề như vậy, rồi mới đến lạy nhị vị Đầu Sư.»

Đó là những nghi lễ bí truyền, về sau đạo cứ theo đó mà thi hành tùy theo chức sắc hay đạo hữu mà lời thề được biến đổi như trên.

➤ Đọa tam đồ bất năng thoát tục là đọa như thế nào?

- Đọa: Phạt xuống cõi thấp kém chịu hình phạt khổ sở.
- Tam đồ: ba đường.
- Bất năng: không thể.
- Thoát tục: thoát ra khỏi cõi trần.
- Đọa tam đồ bất năng thoát tục: Bị đày đọa chuyển kiếp 3 vòng luân hồi, không thể thoát khỏi cõi trần. Ba vòng luân hồi là đi từ Kim thạch tiến hóa lên phẩm Người (1 vòng), rồi từ phẩm Người trở xuống làm Kim thạch để tiến hoá lên phẩm Người lần thứ hai (2 vòng), rồi trở xuống làm Kim thạch lần thứ ba nữa mới dứt hình phạt. Mỗi vòng luân hồi như vậy phải hàng ngàn năm mới xong. Đó là một hình

phạt rất nặng. Bà Bát Nương giảng giải về hình phạt này như sau:

**«Thoảng như bị tận đọa tam đồ bất năng thoát tục thì Chơn Linh phải bị ngăn cản, không hiệp được với Chơn Thân; làm cho Đệ nhị xác thân phải trở lại chuyển kiếp từ bực Kim thạch cho đến làm Người; và phải chuyển trở lại đủ ba vòng mới khởi lập công trở lại.**

– Có phải ba vòng đều trở lại từ bực Kim thạch không?

– Phải vậy.

– Một vòng cũng đủ giác ngộ rồi, cần gì phải tới 3 vòng?

– **Bởi phạm thệ Thiên điều, chớ không phải phạm tội. Phạm tội cũng có khi trở về Kim thạch chớ.**

– Nếu phạm tội thì phạt tới Thú cầm là đủ, cần gì phải tới Kim thạch?

– **Kiếp Hóa nhân thì về Quỷ vị; còn kiếp Nguyên nhân phải bị đọa như vậy mới sánh với Quỷ vị được chớ. Đó là Luật Thiên điều đã định. Dẫu cho Nguyên nhân hay Hóa nhân cũng đồng hình phạt, lẽ công bình là đó.»**

■ (Trích trong Luật Tam Thế)

Kiếp trước, Tôn Quyền tuy hứa liên kết với Lưu Bị diệt quân phương Bắc của Tào Tháo nhưng lại đánh úp sau lưng Quan Vũ! Kiếp này, ngài Tương rủ ren ngài Trang bỏ Tòa Thánh Tây Ninh lập chi phái riêng! Vì thế, tiếc cho một linh tử của Đức Quan Thánh chẳng những không lập được công quả lớn trong thời Tam Kỳ Phổ độ mà còn phải bị tội nặng. Ôi! Oan oan nghiệt nghiệt chất chồng...

**Vì sao Linh Tử của một vị Phật lại phạm Thiên Điều?**

## Vì sao hành Đạo đến phẩm Đầu Sư còn phạm Thiên Điều?

*“Đường đời là bến sông mê, thoát mê thoát khổ được, ai lại còn mang đeo thắt phược vào mình, chẳng uống kiếp sanh lắm ư?”*

ĐÓ LÀ GIẤC HUỲNH LƯƠNG CỦA HAI VỊ TRANG, TƯỜNG

*“Huỳnh lương mộng là giấc kê vàng, chỉ đời người ngắn ngủi, công danh phú quý như giấc mộng. Do tích Lữ Sinh nằm mộng cạnh bếp nấu nồi kê vàng, thấy mình cưới vợ đẹp con xinh, giàu sang phú quý, khi tỉnh giấc nồi kê vẫn chưa chín”.*

Thánh giáo Đức Chí Tôn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có dạy rằng:

*“...Bóng thiếu quang nhật thúc, con đường hy vọng chẳng biết đâu là tội cùng mà bước đời xem đà mòn mỏi. Sự thác vô tình sẽ đến mà vẽ cuộc sanh ly pha màu tử biệt, làm cho sự vui vẻ giàu sang danh vọng đều thành một giấc huỳnh lương, rồi đây vĩnh biệt ngàn năm, tội tình muôn kiếp”.*

***Giặt giành rớt cuộc cũng tay không,  
Nhân quả đeo mang tội chất đồng.***

■ (Thánh Thi Hiệp Tuyển).

***Lánh nơi tranh đấu giặt giành,  
Nghịch oan khỏi vướng thân danh vẹn phần.***

■ (Lục Nương Giáng Bút).

### ➤ **Chiết Chơn Linh Là Gì?**

- *Chiết*: Bẻ, hái, làm giảm bớt.

- **CHƠN LINH:** Chơn linh là một điểm Linh Quang từ khối Đại Linh Quang của Thượng Đế chiết ra, ban cho con người để tạo nên sự sống và làm chủ xác thân. Chơn linh là một thể thiêng liêng linh diệu trong con người, nó vốn vô vi, bất tiêu bất diệt.

Trên Cõi Thiêng Liêng, sự tiến hóa vẫn tiếp diễn không ngừng. Các Chơn linh Thiêng liêng muốn lập công thêm thường chiết Chơn Linh một phần cho xuống thế gian đầu thai để lập công. Nếu hóa thân này lập công lớn, đắc đạo thì tông đường của Chơn linh Thiêng liêng đó càng thêm lớn, tòa sen càng thêm to. Ví dụ: Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung chính là Chơn Linh của Lý Ngưng Dương giáng trần để truyền bá Đạo.

Nếu ngược lại, thì sao? Khi xuống thế gian đầu thai, dù Nguyên Nhân hay Hóa Nhân đều không thể nhớ kiếp căn, nguồn cội của mình. Theo truyền thuyết, trước khi xuống thế gian mỗi người đều được Mạnh Bà hỏi có uống canh không, nếu muốn qua cầu, thì cần phải uống canh. Còn không uống canh, thì không qua được cầu Nại Hà, không được đầu thai chuyển kiếp. Mạnh Bà Đình do Bà Mạnh cai quản, bà phụng mệnh Ngọc Đế phụ trách công việc cho các âm hồn húp cháo lú trước khi đầu thai. Nếu không, nhớ lại chuyện tiền kiếp, đứa bé sẽ tìm kiếm và nhận ra thân thuộc, kẻ thù gây đại nạn cho mình và gia đình; chưa kể kiếp trước làm mẹ, kiếp sau làm vợ v.v... ngũ luân không còn phân biệt, đời sẽ đại loạn. Vì vậy tạo vật đã biến hóa một cách kỳ diệu, dùng cháo lú để cho kẻ đầu thai húp vào quên hết mọi chuyện kiếp trước. **Cháo này khi uống vào không còn nhớ biết gì, đầu óc quay cuồng mơ mơ hồ hồ tự rơi vào bánh xe chuyển kiếp.**

Chính Đức Phật Thích Ca khi đang trên đường tìm đạo, vẫn chưa biết được tiền kiếp của mình, mãi đến khi chứng ngộ đạo pháp Ngài đã đắc được Túc Mệnh thông và Thiên Nhân thông, giúp Ngài nhớ được hàng ngàn tiền kiếp như một cuộn phim quay ngược dòng thời gian. Sinh mệnh con người cũng như diễn viên đóng một vai diễn ở một không gian, một kiếp sống. Đầu thai lại, chúng ta đóng một vai diễn khác, mang một hình hài, sắc thái khác. Ở không gian hữu hình này chúng ta khó mà lý giải cho sáng tỏ những gì của không gian vô hình. Chỉ biết rằng LUẬT LUÂN HỒI, LUẬT NHÂN QUẢ là luật của Tạo Hóa áp dụng cho chúng sanh hàng triệu năm rồi.



hình internet



---

**TỪ QUAN VŨ**  
**ĐỀN TAM TRẦN OAI NGHIÊM**  
**CHÁNH KIẾN CƯ SĨ**

**2021**